

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 99/2020/DS-ST

Ngày 04-12-2020

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TRÀ VINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* ông Nguyễn Anh Khoa.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Vương Hoàng Phúc;

Bà Trần Thị Sang.

**- Thư ký phiên tòa:** bà Kiên Thị Minh Hiếu - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh không tham gia phiên tòa.**

Ngày 04 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 12/2020/TLST-DS ngày 19 tháng 10 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2020/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** bà Phan Thị Thu M, sinh năm 1977 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp Đ, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Phan Thị Thu M: ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1975 (có mặt);

Địa chỉ: Số 200 P, Khóm 2, Phường 7, thành phố T, tỉnh Trà Vinh (văn bản ủy quyền ngày 01 tháng 10 năm 2020).

**- Bị đơn:**

Ông Trần Hồng C, sinh năm 1959 (có mặt);

Bà Nguyễn Thúy P, sinh năm 1957 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: ấp Đ, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 01 tháng 10 năm 2020 và các lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, ông Nguyễn Thanh H là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: vào ngày 26 tháng 8 năm 2019, bà Phan Thị Thu M có cho ông Trần Hồng C và bà Nguyễn Thúy P vay số tiền 1.700.000.000 đồng, lãi suất theo thỏa thuận là 1,66%/tháng, thời hạn vay là 02 ngày, mục đích vay để trả nợ ngân hàng. Khi vay có lập biên nhận và có ký tên người vay.*

Quá trình vay phía ông C, bà P chỉ trả được cho bà M 1.652.000.000 đồng tiền gốc. Còn lại số tiền gốc 48.000.000 đồng chưa trả. Đến nay đã quá hạn trả tiền gốc nhưng ông C, bà P cứ hứa hẹn mà không trả.

Nay bà M yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông C và bà P trả cho bà M số tiền 48.000.000 đồng. Bà M không yêu cầu tính tiền lãi.

*Theo văn bản trình bày ý kiến, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, ông Trần Hồng C là bị đơn trình bày: ông thừa nhận có vay của bà Phan Thị Thu M số tiền 1.700.000.000 đồng để đáo hạn ngân hàng và có làm biên nhận do ông và vợ là bà P ký tên. Trong quá trình vay ông đã nhiều lần trả vốn và lãi hết số tiền là 1.800.000.000 đồng. Trong đó tiền vốn ông trả được 03 lần: lần thứ nhất trả 750.000.000 đồng chuyển khoản qua ngân hàng, lần thứ hai trả 650.000.000 đồng và lần thứ ba trả 300.000.000 đồng, trả trực tiếp cho bà M, không có làm biên nhận. Tiền lãi ông trả được 04 lần: lần thứ nhất trả 20.000.000 đồng, lần thứ hai trả 30.000.000 đồng, lần thứ ba trả 30.000.000 đồng, lần thứ tư trả 20.000.000 đồng. Các lần trả lãi đều không có biên nhận. Ông C cũng không nhớ thời gian các lần trả tiền vốn và tiền lãi. Đối với số tiền nợ này ông đã trả xong nên không đồng ý trả. Các lần trả tiền vốn, lãi chỉ có lần chuyển khoản qua ngân hàng số tiền 750.000.000 đồng có chứng từ, còn lại các lần khác không có làm biên nhận và không có ai chứng kiến. Ông C có yêu cầu bà M viết biên nhận nhưng bà M không viết.*

Bà Nguyễn Thúy P là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa và không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án. Tuy nhiên việc hòa giải không tiến hành được do bà Nguyễn Thúy P vắng mặt tại các phiên hòa giải. Giữa người đại diện của bà Phan Thị Thu M và ông Trần Hồng C cũng không thống nhất được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày của mình. Các đương sự không yêu cầu Tòa án thu thập thêm tài liệu, chứng cứ và không yêu cầu triệu tập đương sự khác, người làm chứng, người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Bị đơn cư trú tại ấp Đ, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh. Bà Nguyễn Thúy P là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà P.

[2] Về mặt nội dung: xét thấy việc ông Trần Hồng C và vợ là bà Nguyễn Thúy P vay tiền của bà Phan Thị Thu M là có thật, có biên nhận có chữ ký của ông C, bà P. Ông C, bà P đã trả được 1.652.000.000 đồng, còn nợ lại 48.000.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa ông C thừa nhận có vay của bà M số tiền 1.700.000.000 đồng nhưng ông C cho rằng đã trả cho bà M tổng cộng 1.800.000.000 đồng cả vốn lẫn lãi nên không còn thiếu nữa. Tuy nhiên các lần ông C trả tiền vốn và lãi cho bà M đều không có giấy tờ, chứng cứ gì để chứng minh. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa ông C cũng thừa nhận ông không có chứng cứ gì để chứng minh đã trả số tiền 1.800.000.000 đồng ngoài lần chuyển khoản 750.000.000 đồng qua ngân hàng đã được đại diện nguyên đơn xác nhận. Đối với bà P đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như triệu tập đến phiên tòa nhưng bà P đều vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án. Như vậy xem như bà P không có ý kiến gì phản đối yêu cầu của bà M. Xét yêu cầu khởi kiện của bà M là có cơ sở để chấp nhận, lời nại ra của ông C là không có cơ sở để chấp nhận. Căn cứ Điều 463; Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 ông C, bà P phải có nghĩa vụ trả cho bà M số tiền 48.000.000 đồng.

[3] Về tiền lãi: bà M không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: ông Trần Hồng C, bà Nguyễn Thúy P phải chịu theo quy định nhưng do ông C, bà P là người cao tuổi nên được miễn tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 5; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 463; Điều 466; Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Thu M.

Buộc ông Trần Hồng C và bà Nguyễn Thúy P trả cho bà Phan Thị Thu M số tiền 48.000.000 đồng (bốn mươi tám triệu đồng).

Về tiền lãi: bà Phan Thị Thu M không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: ông Trần Hồng C, bà Nguyễn Thúy P được miễn án phí. Hoàn trả lại cho bà Phan Thị Thu M số tiền 1.200.000 đồng đã nộp tạm ứng theo biên lai thu tiền số 0001399 ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: bà Phan Thị Thu M và ông Trần Hồng C có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Nguyễn Thúy P có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Đường sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Anh Khoa**